

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nhân khoa cập nhật năm 2022

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Nhân khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NHÃN KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-ĐHYD ngày 22 tháng 2 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

**I. Thông tin chung (General information)**

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Nhãn khoa*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Ophthalmology*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Nhãn khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 56*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Không tập trung.*
11. Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ Chuyên khoa I chuyên ngành Nhãn khoa*
  - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Ophthalmology*

**II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)**

Mục tiêu	Mô tả <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	✓	✓

<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO2	Thực hiện thành thạo kỹ thuật, thủ thuật trong khám, chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong chuyên ngành Nhân khoa.	✓	✓	✓
PEO3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	✓	✓	✓
<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PEO4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp dạy học lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	
PLO2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý và dự phòng các bệnh mắt thông thường.		✓
<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO3	Thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí các bệnh chuyên khoa Tai mũi họng và thần kinh liên quan đến mắt		✓

PLO4	Thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán, xử trí, điều trị, tiên lượng và dự phòng các bệnh mắt thông thường.		✓
PLO5	Thực hành độc lập các thủ thuật thông thường và thực hành dưới sự giám sát một số phẫu thuật đơn giản của chuyên ngành Nhãn khoa.		✓
PLO6	Sử dụng được một số máy, thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị.		✓
PLO7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Nhãn khoa	✓	
<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>			
PLO8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	✓	
PLO9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Nhãn khoa	✓	
PLO10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	✓	

#### IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO1	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO2		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO3			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO4			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

## V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

### 1. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân đăng kí dự tuyển CKI ngành Nhân khoa cần đủ các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp đại học ngành Bác sĩ đa khoa.

- Có chứng chỉ hành nghề chuyên ngành Nhân khoa hoặc nếu khác chuyên ngành Nhân khoa cần có giấy xác nhận của thủ trưởng đơn vị về kinh nghiệm và thâm niên công tác ít nhất 1 năm trong chuyên ngành Nhân khoa tính từ khi có chứng chỉ hành nghề đến ngày xét duyệt hồ sơ.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập (theo quy định hiện hành).

### 2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt yêu cầu toàn bộ chứng chỉ các môn chung, môn hỗ trợ và môn chuyên ngành.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

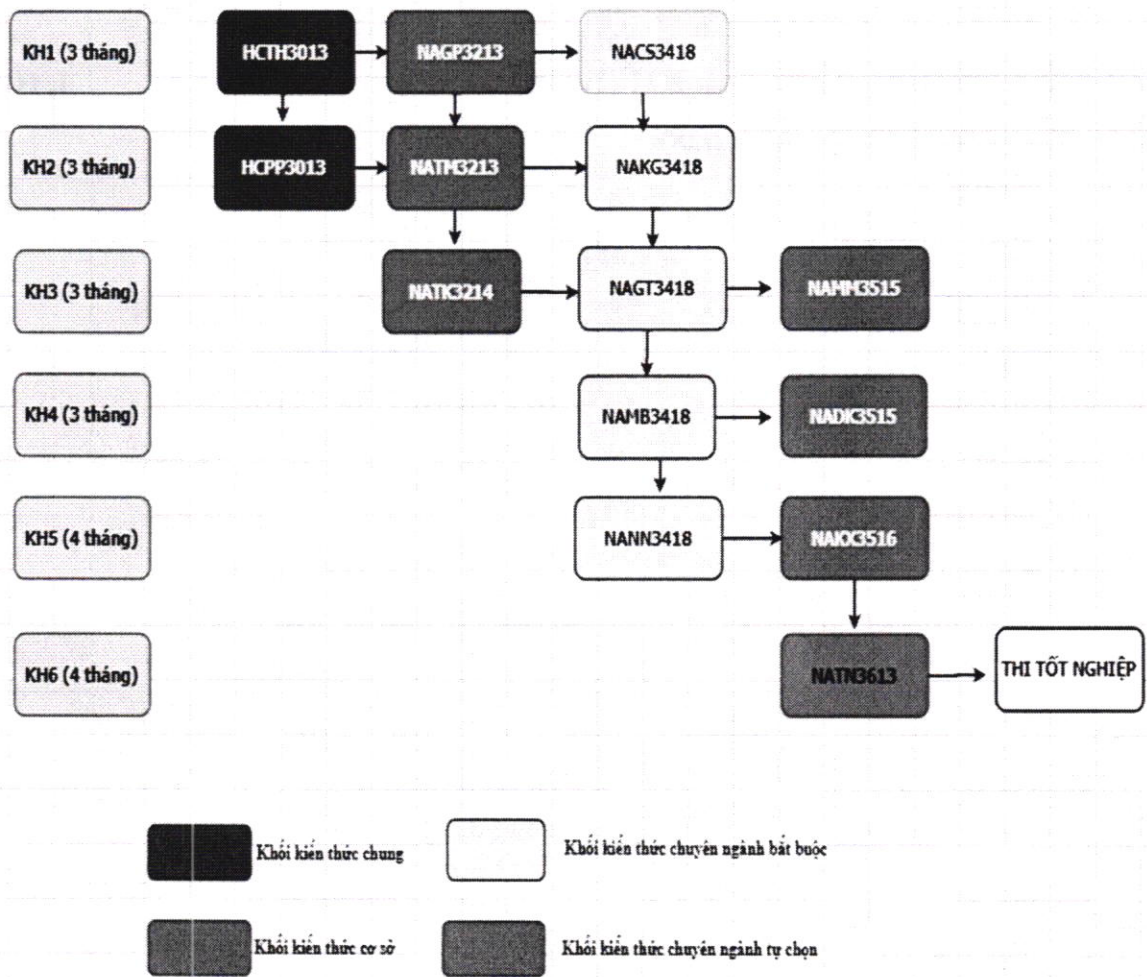
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà trường.

## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ bản 6 (8,6%)</b>									
<b>1.1</b>	<b>Học phần bắt buộc: 6 (5/1)</b>									
1.	HCTH 3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2.	HCPP 3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				2
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành 10 (14,3%)</b>									
<b>2.1</b>	<b>Học phần bắt buộc: 10 (6/4)</b>									
3	NAGP 3213	Giải phẫu	3 (2/1)	30	30	90				1
4	NATM 3213	Tai Mũi Họng	3 (1/2)	15	60	75				2
5	NATK 3214	Thần kinh	4 (1/3)	15	90	95				3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành 51 (16/35)</b>							<b>I, II</b>		
<b>3.1</b>	<b>Học phần bắt buộc: 40 (12/28)</b>									
6	NACS 3418	Nhãn khoa cơ sở	8 (3/5)	45	150	205				1
7	NAKG 3418	Kết, giác, cùng mạc	8 (3/5)	45	150	205	NACS 3418			2
8	NAGT 3418	Glôcôm, thủy tinh thể, chấn thương	8 (3/5)	45	150	205	NAKG 3418			3
9	NAMB341 8	Màng bồ đào	8 (3/5)	45	150	205	NAGT 3418			4
10	NANN 3418	Nhãn nhĩ, lác, nhược thị	8 (3/5)	45	150	205	NAMB 3418			5
<b>3.2</b>	<b>Học phần tự chọn: 11 tín chỉ (chọn 2 trong 3) (4/7)</b>									
11	NAKX 3516	Khúc xạ	6 (2/4)	30	120	150	NACS 3418			5
12	NADK 3515	Dịch kính-võng mạc	5 (2/3)	30	90	130	NAMB 3418			4
13	NAMM 3515	Mi mắt, lệ bộ	5 (2/3)	30	90	130	NHGT 3418			3
<b>IV. Tốt nghiệp: 3 (4,3%)</b>										
14	NATN 3613	Học phần tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		Kết thúc các HP		6

## VII. Tiến trình dạy- học (Curriculum Mapping)



## VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	H							L	L	L
2	HCPP3013	H						M	L	L	L
3	NAGP3213		H	M	M	L				L	
4	NATK3213			H	L					L	
5	NATM3213			H	L					L	
6	NACS3418		H	L	H	H	H	H	H	H	H
7	NAKG3418		H	L	H	H	H	H	H	H	H
8	NAGT3418		H	L	H	H	H	H	H	H	H

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	NAMB3418		H	L	H	H	H	H	H	H	H
10	NANN3418		H	L	H	H	H	H	H	H	H
11	NAKX3516		H	L	H	H	H	H	H	H	H
12	NADK3515		H	L	H	H	H	H	H	H	H
13	NAMM3515		H	L	H	H	H	H	H	H	H
14	NATN3613		H	L	H	H	H	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

### IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓
Thảo luận nhóm	✓	✓	✓	✓		✓	✓			
Chia sẻ theo cặp	✓	✓	✓	✓		✓	✓			
Đóng vai			✓	✓			✓			
Giao ban, đi buồng,	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Nghiên cứu ca lâm sàng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bình bệnh án			✓	✓			✓	✓	✓	
Hướng dẫn kỹ thuật thủ thuật, phẫu thuật			✓	✓	✓	✓	✓		✓	
Dạy học mô phỏng		✓	✓	✓			✓			
Trực, tự học, quan sát			✓	✓	✓	✓	✓		✓	
Dạy học thông qua bài tập lớn		✓					✓	✓	✓	
Dạy học dựa trên vấn đề		✓					✓	✓	✓	



## X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

### 1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần (Điểm danh, mức độ tham gia học tập)	1, 2, 3, 4, 5,6,7,8,9,10	RAEs	10%
KTTX (MCQ)	1, 2	Thang điểm chuẩn	10%
Thi GHP (bài tập cá nhân lớn, kỹ năng tay nghề, tình huống)	1, 2, 3, 4, 5, 6,7	Bảng rubric, bảng kiểm, thang điểm chuẩn	30%
Thi KTHP (báo cáo chuyên đề, bệnh án, kỹ năng tay nghề, chỉ tiêu lâm sàng)	1, 2, 3, 4, 5,6,7,8,9,10	Thang điểm chuẩn, bảng rubric, bảng kiểm.	50%

### 2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chuyên cần	✓		✓	✓	✓	✓	✓			
Trắc nghiệm		✓	✓					✓		
Viết tiểu luận/bài tập lớn cá nhân			✓					✓		
Báo cáo chuyên đề		✓	✓					✓		
Làm bệnh án		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Chỉ tiêu thực hành		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Case study		✓	✓					✓	✓	
Kỹ năng thực hành tay nghề		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Vấn đáp		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓

## XI. Đối sánh (Benchmarking)

### 1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐH Y Dược Hải Phòng		Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên	
	ĐVHT	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	20	19,8	6	8,6
Kiến thức cơ sở ngành	10	9,9	10	14,3
Kiến thức chuyên ngành	40	40	40	57,1
Tự chọn	21	20,7	11	15,7
Tốt nghiệp	10	9,9	3	4,3
<b>Tổng</b>	<b>101</b>		<b>70</b>	

### 2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
<b>Chuyên gia y tế/giáo dục</b>	Lượng kiến thức chuyên ngành cập nhật, sâu rộng	Xây dựng chương trình cập nhật đảm bảo cơ bản phù hợp chuyên ngành nhãn khoa
<b>Cựu người học</b>	Cần thiết thực hành nhiều các kỹ năng, thủ thuật thông thường và các phẫu thuật đơn giản	Xây dựng học phần thực hành với các bài cụ thể, mang tính ứng dụng thực hành
<b>Nhà tuyển dụng</b>	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm lồng ghép vào các học phần
<b>Giảng viên</b>	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng tăng thời lượng các học phần thực hành.

## **XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo**

### **1. Học phần Triết học**

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản triết học gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước. Học phần này giúp học viên vận dụng hiệu quả kiến thức về triết học trong thực hành nghề nghiệp chuyên môn. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là thi tự luận. Học phần này đóng góp vào CĐR1(mức độ cao), CĐR 8, 9, 10 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **2. Học phần Phương pháp dạy học lâm sàng**

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Học phần này giúp trang bị kỹ năng trong giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào CĐR 1 (mức độ cao); CĐR 7 (mức độ trung bình); CĐR 8, 9, 10 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **3. Học phần Giải phẫu**

Học phần Giải phẫu thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về giải phẫu đầu mặt cổ đặc biệt là giải phẫu hốc mắt, nhãn cầu. Học phần này giúp học viên chủ động trong học tập, vận dụng những kiến thức giải phẫu liên quan đến chuyên ngành nhãn khoa. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn thực tập. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành, viết báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2 (mức độ cao); CĐR 3,4 (mức độ trung bình); CĐR 5, 9 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **4. Học phần Thần kinh**

Học phần Thần kinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về thần kinh liên quan đến

mắt để giúp chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý thần kinh nhãn khoa. Học phần này sẽ trang bị cho học viên các kỹ năng khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí một số bệnh chuyên khoa thần kinh có liên quan đến mắt. Học viên chủ động trong học tập, giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, case study. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3 (mức độ cao), CĐR 4,9 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **5. Học phần Tai Mũi Họng**

Học phần Tai mũi họng thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số bệnh lý Tai mũi họng có liên quan đến mắt. Học viên thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán và đưa ra hướng xử trí một số bệnh Tai mũi họng. Học viên chủ động trong học tập, giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tình huống, viết tiểu luận. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3 (mức độ cao), CĐR 4,9 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **6. Học phần Nhãn khoa cơ sở**

Học phần Nhãn khoa cơ sở thuộc kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và các kỹ năng trong khám, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý nhãn khoa phổ biến nhất và một số cấp cứu nhãn khoa thường gặp. Học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp. Qua học phần này, học viên sẽ chủ động trong học tập, chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và có khả năng hướng dẫn được người học và các đồng nghiệp khác. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề cho phần lý thuyết và làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề cho phần thực hành. Học phần này nhằm

đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **7. Học phần Bệnh học Kết mạc, Giác mạc, Củng mạc**

Học phần Kết mạc, giác mạc, củng mạc là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức bệnh lý về bề mặt nhãn cầu. Các kiến thức cơ bản trong khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, tiên lượng và dự phòng các bệnh lý của kết mạc, giác mạc và củng mạc. Học phần trang bị cho người học kỹ năng cần thiết như: lấy dị vật kết giác mạc, lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm, nhuộm giác mạc, thảo luận và làm việc nhóm, hướng dẫn bạn học để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề cho phần lý thuyết và làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề cho phần thực hành. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **8. Học phần Bệnh học Glacom-thủy tinh thể và chấn thương**

Học phần Glacom, thủy tinh thể và chấn thương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý, dự phòng và tiên lượng bệnh glacom, bệnh thủy tinh thể và chấn thương thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng sử dụng máy siêu âm, chụp ảnh đáy mắt, máy đo thị trường... trong thực hành nghề nghiệp. Học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp. Qua học phần này, người học sẽ chủ động trong học tập, chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và có khả năng hướng dẫn được người học và các đồng nghiệp khác. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề cho phần lý thuyết và làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề cho phần thực

hành. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **9. Học phần Màng bồ đào**

Học phần Màng bồ đào là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức khám, chẩn đoán, điều trị, quản lý và tiên lượng các bệnh lý màng bồ đào thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức về phiên giải kết quả chụp mạch huỳnh quang đáy mắt. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh, học dựa trên vấn đề. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **10. Học phần Nhãn nhi, lác, khúc xạ**

Học phần Nhãn nhi, lác, khúc xạ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý mắt ở trẻ em. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **11. Học phần Khúc xạ**

Học phần Nhãn nhi, lác, khúc xạ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh

lý khúc xạ ở trẻ em. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

## **12. Học phần Dịch kính, võng mạc**

Học phần dịch kính võng mạc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý dịch kính, võng mạc. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Học phần tập trung dạy người học cách sử dụng máy siêu âm B, chụp mạch huỳnh quang, phiên giải kết quả của siêu âm, chụp mạch, chụp OCT để chẩn đoán và theo dõi các bệnh lý võng mạc. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

## **13. Học phần bệnh học mi mắt, lệ bộ**

Học phần Mi mắt, lệ bộ là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong khám, chẩn đoán điều trị và dự phòng các bệnh lý mi mắt lệ bộ. Học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp. Qua học phần này, học viên sẽ chủ động trong học tập, chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và có khả năng hướng dẫn được người học và các đồng nghiệp khác. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động

não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

#### **14. Học phần tốt nghiệp**

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 6 của CTĐT. Người học được củng cố ôn lại toàn bộ kiến thức của chương trình học. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, tự học, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học thông qua bài tập lớn, nghiên cứu ca lâm sàng, thảo luận nhóm. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, suy nghĩ - cặp- chia sẻ, động não, thảo luận nhóm, tình huống. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm, MCQ, bài tập lớn cá nhân, báo cáo chuyên đề, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, bài tập tình huống, kỹ năng tay nghề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,4,5,6,7,8,9,10 (mức độ cao), CDR 3 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo.

### **XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo**

#### **1. Đội ngũ giảng viên**

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chuyên khoa cấp I Nhãn khoa bao gồm 06 PGS, 10 TS, 10 CKII và 15 ThS. Giảng viên thỉnh giảng là các bác sĩ công tác tại Khoa Mắt bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

#### **2. Cơ sở vật chất**

Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các bệnh viện thực hành: Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và Bệnh viện Mắt Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu tương đối hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu của học viên CKI. Nhà trường được trang bị nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet.



Bệnh viện Mắt Thái Nguyên và Khoa Mắt Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên là cơ sở thực hành với trang thiết bị hiện đại gồm nhiều máy móc, thiết bị y tế trong chuyên ngành nhãn khoa như máy phẫu thuật phaco, máy chụp mạch huỳnh







quang, máy laser, máy thị trường kế tự động, máy đo nhãn áp hơi.... Đặc biệt Bệnh viện Mắt Thái Nguyên là bệnh viện chuyên khoa tập trung nhiều bệnh nhân với mô hình bệnh mắt phong phú là điều kiện thuận lợi cho người học có cơ hội được học và thực hành. Khoa Mắt Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên nằm trong Bệnh viện tuyến Trung ương nên rất thuận lợi cho học viên học có cơ hội tiếp cận với các chuyên khoa thần kinh, tai mũi họng và các kỹ thuật cận lâm sàng giúp hỗ trợ chẩn đoán như chụp CT, MRI hay các xét nghiệm sinh hóa miễn dịch.

#### XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: Năm 2016

#### XV. Tiến trình cập nhật

T T	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	P. Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	- Cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra. - Ghép học phần lý thuyết với thực hành thành học phần chuyên ngành chung	Tháng 11/2021	 Đỗ Quang Thọ	 Lương Thị Hải Hà

#### XVI. Thành phần phê duyệt

<b>Ban Giám hiệu</b>   <b>HIỆU TRƯỞNG</b> PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	<b>Hội đồng Khoa/Bộ môn</b>  Trần Văn Tuấn	<b>Tổ trưởng xây dựng/ rà soát</b>  <b>BSKII.Đỗ Quang Thọ</b>
--	--	--

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH NHÃN KHOA**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2022**

